

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

| <b>1. Diễn biến xu thế mực nước:</b><br>Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên trong những ngày tới; mực nước thấp nhất ngày xuống trong 5 ngày tới.<br>- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày trên các kênh, rạch trong khu vực biến đổi chậm trong 1-2 ngày tới, sau đó lên chậm. |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |              |                     |               |               |               |               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------------------|-------|--------|------------|----------------------|---------------------|--------------|---------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 15/5 đến 19/5/2022</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |              |                     |               |               |               |               |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trung  | Mực nước thực đo (m) |                     |              | Mực nước dự báo (m) |               |               |               |               |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |            | 14/5                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN  | 15/5                | 16/5          | 17/5          | 18/5          | 19/5          |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max<br>Min | 1.33<br>0.07         | 0.13<br>0.28        | 0.42<br>0.17 | 1.36<br>0.00        | 1.40<br>-0.07 | 1.43<br>-0.12 | 1.44<br>-0.17 | 1.45<br>-0.20 |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max<br>Min | 1.30<br>-0.08        | 0.08<br>0.26        | 0.41<br>0.34 | 1.33<br>-0.16       | 1.37<br>-0.23 | 1.40<br>-0.28 | 1.41<br>-0.33 | 1.40<br>-0.36 |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max<br>Min | 1.23<br>0.44         | 0.18<br>0.25        | 0.28<br>0.23 | 1.26<br>0.45        | 1.30<br>0.38  | 1.34<br>0.33  | 1.36<br>0.30  | 1.37<br>0.27  |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 1.44<br>0.05         | 0.13<br>0.32        | 0.50<br>0.25 | 1.47<br>-0.03       | 1.51<br>-0.10 | 1.55<br>-0.15 | 1.57<br>-0.18 | 1.58<br>-0.21 |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max<br>Min | 1.42<br>-0.08        | 0.02<br>0.31        | 0.39<br>0.42 | 1.45<br>-0.22       | 1.49<br>-0.29 | 1.52<br>-0.34 | 1.53<br>-0.37 | 1.52<br>-0.40 |
| 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max<br>Min | 1.37<br>-0.03        | 0.07<br>0.26        | 0.44<br>0.29 | 1.40<br>-0.13       | 1.44<br>-0.20 | 1.47<br>-0.25 | 1.48<br>-0.28 | 1.47<br>-0.31 |
| 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max<br>Min | 0.51<br>0.22         | 0.27<br>0.05        | 0.23<br>0.19 | 0.47<br>0.19        | 0.49<br>0.17  | 0.53<br>0.19  | 0.57<br>0.23  | 0.60<br>0.28  |
| 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.34<br>0.25         | 0.15<br>0.13        | 0.12<br>0.07 | 0.27<br>0.20        | 0.30<br>0.21  | 0.35<br>0.25  | 0.40<br>0.31  | 0.43<br>0.38  |
| 9                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max<br>Min | 0.41<br>0.20         | 0.02<br>0.07        | 0.12<br>0.13 | 0.39<br>0.18        | 0.40<br>0.16  | 0.44<br>0.18  | 0.48<br>0.22  | 0.51<br>0.27  |
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.58<br>0.41         | 0.05<br>0.04        | 0.32<br>0.23 | 0.53<br>0.37        | 0.56<br>0.35  | 0.61<br>0.37  | 0.66<br>0.41  | 0.69<br>0.46  |
| 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max<br>Min | 0.29<br>0.17         | 0.06<br>0.05        | 0.16<br>0.10 | 0.22<br>0.13        | 0.25<br>0.11  | 0.30<br>0.13  | 0.35<br>0.17  | 0.38<br>0.22  |
| 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.68<br>0.51         | 0.06<br>0.06        | 0.25<br>0.24 | 0.64<br>0.47        | 0.67<br>0.48  | 0.71<br>0.52  | 0.75<br>0.58  | 0.78<br>0.65  |
| 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max<br>Min | 0.94<br>0.54         | 0.03<br>0.10        | 0.35<br>0.27 | 0.93<br>0.49        | 0.96<br>0.50  | 0.99<br>0.54  | 1.02<br>0.60  | 1.05<br>0.67  |
| 14                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max<br>Min | 0.64<br>0.45         | 0.01<br>0.06        | 0.14<br>0.13 | 0.62<br>0.41        | 0.65<br>0.42  | 0.69<br>0.46  | 0.73<br>0.52  | 0.76<br>0.59  |
| <b>3. Cảnh báo (nếu có):</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |              |                     |               |               |               |               |
| <b>4. Ghi chú:</b><br>- Thông tin dự báo được đăng trên website: <a href="http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van">http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van</a>                                                                                                                                                                            |            |                        |                  |       |        |            |                      |                     |              |                     |               |               |               |               |

Tin phát lúc 11h00 ngày 15/5/2022  
Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt  
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan